

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH N**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04/02/2020

V/v: *Tranh chấp ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH N

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà LÊ THỊ DUYÊN

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà LÊ NGỌC TRÂM

2/ Ông VÕ QUANG TRUYỀN

- Thư ký phiên tòa: Bà PHẠM THỊ NGỌC LAN - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh N tham gia phiên tòa: Ông VÕ HOÀNG NHÂN - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 830/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh HUỖNH HỮU N, sinh năm 1983 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 13, Hẻm 11, đường đi Sân Bay, ấp Trường C, xã Trường H, huyện H, tỉnh N.

- Bị đơn: Chị NGUYỄN THỊ H, sinh năm 1985 - (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 13, Hẻm 11, đường đi Sân Bay, ấp Trường C, xã Trường H, huyện H, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2019 và lời khai của anh Huỳnh Hữu N thể hiện như sau:

Về hôn nhân: Anh Huỳnh Hữu N và chị Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường H, huyện H, tỉnh N ngày 21/01/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống trong nhà hương hỏa của cha mẹ anh N để lại. Do tính tình chị H rất hung dữ, ngang tàn, thường vô cớ kiếm chuyện với anh và đập phá nhà cửa, tài sản trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, xô xát nhau, chị H lấy gạch đập trên đầu anh N chảy máu, có lần còn lấy dao đâm trên ngực anh N phải khâu 6-7

mũi, gây cho anh N tâm lý Hg man, lo sợ. Từ đầu năm 2019 do cãi nhau nên anh N đã bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân đến nay, thỉnh thoảng anh N có về nhà thăm con nhưng vợ chồng không nói chuyện với nhau, nên không hàn gắn được. Do mâu thuẫn quá nhiều nên vợ chồng không còn tình cảm, do đó anh N yêu cầu ly hôn để mỗi người tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung: Huỳnh Nguyễn Mỹ K, sinh ngày 11/12/2009 và Huỳnh Nguyễn K T, sinh ngày 23/11/2012, hiện hai con sống chung với chị H. Sau khi ly hôn, anh N đồng ý giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi mỗi người con hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng T.

Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không làm ra tiền để mua tài sản chung gì, đất vợ chồng đang ở là của cha mẹ ruột anh N chết để lại, trước đây có căn nhà gỗ, cột tròn, mái ngói của cha mẹ trên phần đất này, anh đã bán căn nhà gỗ, vợ chồng bù tiền vào xây căn nhà tường hiện đang ở. Đất này cha mẹ đã cất nhà ở từ trước giải phóng 30-4-1975 nhưng do nằm trong khu quy hoạch (đất của Đạo Cao Đài quy hoạch làm sân bay của Đạo) nên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Ngoài ra, có 01 phần đất ruộng diện tích khoảng 02 công (có 400m² thổ cư) tọa lạc tại ấp Phước Bình 1, xã Suối Đá, huyện Dương Minh Châu, tỉnh N do vợ chồng cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng (có 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng), đất trống, không có nhà, mua đầu năm 2019 giá 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) do anh bán đất hương hỏa của cha mẹ lấy tiền để mua. Về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thu thập chứng cứ chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về hôn nhân, thời gian chung sống thống nhất theo lời trình bày của anh N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn nên vợ chồng thường xuyên bất H, không còn hạnh phúc, việc chị dùng dao gây thương tích cho anh N là để phòng vệ. Anh N đã bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân khoảng 01 năm nay, thỉnh thoảng anh N có về thăm con nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Anh N phải bồi thường một số tiền để chị xây dựng lại cuộc sống thì chị mới đồng ý ly hôn, nếu không thì chị H không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung đúng như anh N trình bày. Nếu ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi mỗi người con hàng tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 02 phần đất đúng như anh N trình bày, nếu ly hôn chị yêu cầu anh N để lại toàn bộ tài sản cho 02 con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh N vẫn giữ nguyên ý kiến, không trình bày gì khác; chị H không đồng ý ly hôn, nếu ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi mỗi người con hàng tháng 2.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng T, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N; giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có N vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các con trưởng T; về tài sản chung, nợ chung ghi nhận anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh Huỳnh Hữu N và chị Nguyễn Thị H tự nguyện chung sống vợ chồng có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong thời gian chung sống do kinh tế gia đình khó khăn, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên gây gổ và xô xát nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân thời gian một năm nhưng không thể hàn gắn được. Việc chị H yêu cầu anh N phải bồi thường một số tiền để chị xây dựng lại cuộc sống thì chị mới đồng ý ly hôn là không có căn cứ. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị H là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh chị thống nhất giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, xét thấy phù hợp với nguyện vọng của 02 con và điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị H, nên ghi nhận. Xét việc chị H yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi mỗi người con hàng tháng 2.000.000 đồng thấy rằng anh N không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, nên cần buộc anh N có N vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con hàng tháng 1.000.000 đồng cho đến khi các con T niên là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Anh N và chị H tự thỏa thuận, ghi nhận anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh N và chị H trình bày không có, ghi nhận anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, các điểm a, c khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Huỳnh Hữu N đối với chị Nguyễn Thị H. Anh N và chị H không còn quyền và N vụ vợ chồng với nhau.

- Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng Huỳnh Nguyễn Mỹ K, sinh ngày 11/12/2009 và Huỳnh Nguyễn K T, sinh ngày 23/11/2012. Anh N có N vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con hàng tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 04/02/2020 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Anh N có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu anh N không chịu thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh N còn phải trả cho chị H số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Huỳnh Hữu N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng cộng 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008168 ngày 02 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh N, anh N còn phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh N để xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh N;
- VKSND tỉnh N;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- **UBND xã Trường H;**
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ VP-(D).